TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HS-ST
Ngày 04 - 5 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Thanh và ông Lê Xuân Nghiêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Phùng Thị N, sinh ngày 19 tháng 3 năm 1978 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn Đ (đã chết) và bà Hà Thị M, sinh năm 1951; chồng: Nguyễn Văn D, sinh năm 1982 (đã ly hôn); con: Có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 20/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc, khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ 139.000 đồng/tháng, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, đã nộp xong toàn bộ.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2023 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đến nay. Có mặt.

2. Hoàng Thị M, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1975 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L (đã

chết) và bà Tô Thị N, sinh năm 1941; chồng: Hoàng Văn L, sinh năm 1970 (đã ly hôn); con: Có 01 con sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đến nay. Có mặt.

3. Lương Thị C (tên gọi khác: Lương Thị T), sinh ngày 27 tháng 7 năm 1989 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn N (đã chết) và bà Ma Thị Y, sinh năm 1957; chồng: Hoàng Mạnh T, sinh năm 1989; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2023 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đến nay. Có mặt.

4. Hoàng Văn H, sinh ngày 08 tháng 01 năm 1974 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 3/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H (đã chết) và bà Lương Thị C1, sinh năm 1936; vợ: Trương Thị C, sinh năm 1973; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đến nay. Có mặt.

5. Chu Văn V, sinh ngày 27 tháng 8 năm 1995 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn P, sinh năm 1971 và bà Trương Thị N, sinh năm 1971; vợ: Trần Thị Bích N, sinh năm 2000; con: Có 01 con sinh năm 2021; tiền án: Tại bản án số 61/2022/HS-ST ngày 27/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt Chu Văn V 01 năm 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 44 tháng, về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của án treo; tiền sự: Không; nhân thân: Đã bị xét xử 01 lần.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đến nay. Có mặt.

6. Lữ Văn T, sinh ngày 29 tháng 6 năm 1992 tại tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lữ Trọng Q (đã chết) và bà Phan Thị Đ, sinh năm 1961; vợ: Lý Thị B, sinh năm 1992; con: Có 02

con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đến nay. Có mặt.

7. Mã Văn L, sinh ngày 23 tháng 8 năm 1985 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mã Văn B (đã chết) và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1949; vợ: Lý Thị O (đã ly hôn); con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2023 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đến nay. Có mặt.

8. Nguyễn Văn A, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1991 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1959 (đã chết) và bà Nghiêm Anh H, sinh năm 1958; vợ: Triệu Thị H, sinh năm 1995; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

- Ngày 24/01/2016, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H khởi tố về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự; ngày 11/5/2016 Viện kiểm sát nhân dân huyện H ra Quyết định đình chỉ điều tra với lý do chuyển biến tình hình, hành vi không còn nguy hiểm cho xã hội. Căn cứ hành vi vi phạm, ngày 26/5/2016 Công an huyện H đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã nộp tiền phạt cùng ngày.

- Ngày 15/6/2018, bị Công an huyện H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Ngày 20/6/2018 đã nộp tiền phạt.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2023 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đến nay. Có mặt.

9. Hoàng Anh T, sinh ngày 12 tháng 9 năm 1989 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã H, huyện H; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Mạnh T, sinh năm 1955 (đã chết) và bà Lăng Thị C, sinh năm 1955; vợ: Hoàng Thu H, sinh năm 1993; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Hoàng Văn B (đã chết). Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Triệu Văn C, sinh năm 1957. Vắng mặt.

2. Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1982. Có mặt.

3. Anh Nông Văn L, sinh năm 1999. Vắng mặt.

4. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1988. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi trưa ngày 03/01/2023, Lương Thị C rủ Hoàng Văn H, Hoàng Anh T, Hoàng Thị M và Phùng Thị N đến nhà của C ăn cơm, uống rượu. Sau khi ăn cơm xong, Lữ Văn T, Mã Văn L, Hoàng Văn B (sinh năm 1980, trú tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn), Chu Văn V đến nhà Lương Thị C chơi. Tại nhà của C, Hoàng Văn H và Lương Thị C rủ mọi người đánh bạc thì tất cả đều đồng ý, Lữ Văn T đi tìm cây tre rồi dùng dao chặt thành một số đoạn ngắn hơ lửa, bôi thành một mặt đen, một mặt trắng để làm "quân vị", Lữ Văn T lấy tấm bìa catton tại nhà Lương Thị C cắt và kẻ các ô làm "bảng vị", Lương Thị C chuẩn bị bát, đĩa, còn Mã Văn L đi lấy chiếc chiếu nhựa của nhà Lương Thị C để làm dụng cụ đánh bạc.

Sau khi đã chuẩn bị xong công cụ để đánh bạc, khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, tất cả cùng đi ra vườn cây keo trên bờ sông Thương thuộc thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (cách nhà Lương Thị C khoảng 200m) rồi cùng nhau đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa. Lúc đầu Chu Văn V là người cầm cái (người xóc đĩa), ngồi đối diện với V là Lữ Văn T quản lý "bảng vị", bên tay trái Chu Văn V là bên lẻ gồm có Hoàng Văn H, Hoàng Văn B, Hoàng Anh T; bên tay phải V là bên chẵn gồm có Hoàng Thị M, Mã Văn L, Lương Thị C, còn Phùng Thị N đứng gần đó. Các bị cáo tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh chẵn, lẻ và đánh trên "bảng vị" được thua bằng tiền. Cụ thể:

- Đánh bạc hình thức đánh chẵn, lẻ là người cầm cái sẽ cho 04 quân vị vào trong đĩa, úp bát lên và xóc rồi đặt xuống chiếu, những người tham gia chơi sẽ đặt tiền bên chẵn hoặc bên lẻ. Sau khi mở bát, các quân vị ở trong đĩa thể hiện kết quả ra chẵn thì bên đặt chẵn thắng, bên đặt lẻ thua và ngược lại. Người mở bát sẽ thu tiền đã đặt của những người chơi bị thua và trả tiền cho những người chơi thắng.

- Đánh bạc hình thức đánh trên "bảng vị" là những người chơi (kể cả những người đánh chẵn, lẻ) lựa chọn đặt tiền vào 04 ô tương ứng trên "bảng vị", gồm 04 đen, 04 trắng, 03 đen, 03 trắng. Nếu thắng tại ô 04 đen hoặc 04 trắng thì người chơi sẽ được trả 10 lần số tiền đã đặt, nếu thắng tại ô 03 đen hoặc 03 trắng thì người chơi sẽ được trả 03 lần số tiền đã đặt, nếu thua thì người chơi sẽ mất số tiền

đã đặt trên các ô. Người quản lý "bảng vị" là người thu tiền đã đặt của những người chơi bị thua và trả tiền cho những người chơi thắng.

Sau khi người cầm cái xóc đĩa, đặt xuống chiếu, những người chơi đã đặt tiền vào bên chẵn, bên lẻ và những ô đã chọn trên "bảng vị" mà không có sự thay đổi thì sẽ được mở bát để lấy kết quả chẵn hay lẻ. Đối với "bảng vị" thì kết quả quân vị ở trên đĩa sẽ tương ứng với các ô trên "bảng vị", người chơi đặt tiền vào ô "bảng vị" trùng với kết quả các quân vị trên đĩa thì thắng và ngược lại. Các bị can đánh bạc được một lúc thì Nguyễn Văn A đến và tham gia đánh bạc. Chu Văn V bị thua hết tiền nên Nguyễn Văn A là người cầm cái. Tại chiếu bạc, khi đang đánh bạc thì Hoàng Văn H lấy 500.000 đồng trong số tiền đang sử dụng đánh bạc đưa cho Phùng Thị N và bảo N đến tối mua đồ ăn, đồng thời đưa thêm cho N 100.000 đồng để N cùng chơi, sau đó N đã đặt chơi một ván bên lẻ và bị thua 100.000 đồng.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, Công an xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nhận được tin báo về nhóm đánh bạc nêu trên nên đã cử tổ công tác gồm 03 đồng chí, sử dụng 02 xe mô tô tiến hành kiểm tra, xác minh. Tổ công tác đi đến gần khu vực trên thấy có nhiều bụi tre, cây cao rậm nên đã dựng xe mô tô ở đường dân sinh rồi đi bộ xuống vườn cây keo. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi Nguyễn Văn A đang xóc đĩa, Lữ Văn T đang cầm bảng vị để mọi người đánh bạc thì phát hiện thấy lực lượng Công an đi đến nên một số đối tượng vùng bỏ chạy, một số chạy xuống mép bờ sông lẩn trốn, còn Hoàng Văn H, Mã Văn L, Nguyễn Văn A và Hoàng Văn B chạy một đoạn rồi nhảy xuống sông bơi sang bờ bên kia, trong khi bơi thì Hoàng Văn B bị đuối nước và tử vong. Lương Thị C, Hoàng Thị M và Phùng Thị N không bỏ chạy mà đứng ở hiện trường nên đã bị tổ công tác Công an xã H khống chế, lập biên bản sự việc và tạm giữ: 01 chiếu nhựa, 01 đĩa sứ, 02 bát sứ, 01 mảnh bìa các tông hình chữ nhật được chia làm 4 ô, mỗi ô vẽ 4 hình tròn được bôi đen khác nhau (bảng vị); 05 mảnh tre diện 1,2cm x 01 cm, một mặt đen (quân vị); 500.000 đồng ở trên chiếu bạc; 600.000 đồng ở cạnh bụi cây gần chiếu bạc; 02 đôi giầy; 03 đôi dép; 04 điện thoại di động. Phùng Thị N tự giao nộp 500.000 đồng (tiền do Hoàng Văn H đưa); Hoàng Thị M giao nộp 500.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu bạc. Khi đưa về trụ sở Công an huyện H thì Hoàng Thị M giao nộp thêm 4.519.000 đồng được cất giấu ở trong giầy đang đi và trình bày số tiền này là tiền dùng để đánh bạc. Mã Văn L tự nguyện giao nộp 80.000 đồng và trình bày là tiền sử dụng đánh bạc.

Kết quả điều tra xác định tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc là 6.699.000 đồng. Về số tiền mang theo để đánh bạc các bị cáo khai: Hoàng Thị M mang theo khoảng 5.000.000 đồng, Hoàng Văn H mang theo khoảng 700.000 đồng, Lương Thị C mang theo khoảng 450.000 đồng, Chu Văn V mang theo 400.000 đồng, Mã Văn L mang theo 330.000 đồng, Lữ Văn T mang theo 200.000 đồng, Hoàng Anh T mang theo khoảng 200.000 đồng; Phùng Thị N không mang tiền theo người, tại chiếu bạc được Hoàng Văn H đưa cho 100.000 đồng đã sử dụng đánh bạc thua hết; Nguyễn Văn A không mang tiền theo người nhưng khi đứng xem thấy một ván bạc bên chẵn có người đặt 200.000 đồng và

không có ai đặt thêm, Ái nhận mở bát và ván bạc này Ái thắng 200.000 đồng, sau đó Ái tiếp tục sử dụng số tiền này để đánh bạc.

Tại Bản cáo trạng số 38/CT-VKSLS-P2 ngày 28/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Phùng Thị N, Hoàng Thị M, Lương Thị C, Hoàng Văn H, Chu Văn V, Lữ Văn T, Mã Văn L, Nguyễn Văn A, Hoàng Anh T về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đề nghị đối với đôi dép của anh Hoàng Văn B do không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phùng Thị N, Hoàng Thị M, Lương Thị C, Hoàng Văn H, Chu Văn V, Lữ Văn T, Mã Văn L, Nguyễn Văn A, Hoàng Anh T phạm tội Đánh bạc và đề nghị:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Thị N từ 06 – 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 54, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Thị M từ 05 – 08 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 58, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Thị C từ 04 – 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 54, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 05 – 08 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 56, Điều 58, Điều 38, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Chu Văn V 06 - 09 tháng tù, tổng hợp hình phạt 01 (một) 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 44 (bốn mươi bốn) tháng tại bản án số: 61/2022/HS-ST, ngày 27/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 02 năm 04 tháng - 02 năm 07 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 54, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lữ Văn T từ 04 – 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 54, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mã Văn L từ 05 – 08 tháng

tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

8. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 54, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A từ 04 – 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

9. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Anh T từ 06 - 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 – 18 tháng, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

***** Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 6.699.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, niêm phong trong 06 phong bì được dán kín, trên phong bì có chữ ký của người niêm phong và hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếu nhựa kích thước 197cm x 160cm; 02 bát sứ màu trắng đường kính 11cm; 05 mảnh tre; 01 tấm bìa catton hình chữ nhật (bảng vị); 02 đôi giầy màu đen; 02 đôi dép màu trắng; 01 đôi dép màu đen đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Lương Thị C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu trắng, đã qua sử dụng, trong máy gắn sim, trên sim có chữ Vinaphone và số 89840200011415036282.

- Trả lại cho bị cáo Chu Văn V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, đã qua sử dụng, trong máy gắn sim, trên sim có chữ 4G Viettel và số 8984048000325874443.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu xanh, đã qua sử dụng, trong máy gắn sim, trên sim có chữ 4G Viettel và số 8984048000319043215 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A16 màu xanh, đã qua sử dụng, trong máy gắn sim, trên sim có chữ 4G Viettel và số 8984048000389816367.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu bạc, đã qua sử dụng, trong máy gắn 01 sim, trên sim có chữ 4G Viettel và số 8984048000912905316.

Các bị cáo nhất trí với nội dung bản luận tội, lời nói sau cùng các bị cáo trình bày đã ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người làm chứng ông Triệu Văn C, anh Nông Văn N vắng mặt, lời khai của người vắng mặt tại cơ quan điều tra đã rõ, việc vắng mặt không

gây trở ngại cho việc xét xử do đó căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ai có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 03/01/2023, tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, Phùng Thị N, Hoàng Thị M, Lương Thị C, Hoàng Văn H, Chu Văn V, Lữ Văn T, Mã Văn L, Nguyễn Văn A, Hoàng Anh T đã cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, thắng thua bằng tiền, tổng số tiền đánh bạc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 6.699.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, ảnh hưởng không tốt đến trật tự trị an trên địa bàn. Để bảo vệ trật tự công cộng, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa cần phải xử lý nghiêm các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên, khi xem xét quyết định hình phạt cho các bị cáo phải xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt tương xứng.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo Hoàng Thị M, Lương Thị C, Hoàng Văn H, Lữ Văn T, Mã Văn L, Hoàng Anh T không có tiền án, tiền sự, bị cáo Nguyễn Văn A đã từng bị xử phạt hành chính 02 lần, đều chấp hành xong, nên thuộc trường hợp được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, do đó, các bị cáo được xác định có nhân thân tốt. Bị cáo Phùng Thị N đã từng bị xét xử năm 2018, bị cáo Chu Văn V đang trong thời gian thi hành bản án năm 2022 nên xác định có nhân thân không tốt.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Bị cáo Hoàng Thị M, Lương Thị C, Hoàng Văn H, Lữ Văn T, Mã Văn L, Nguyễn Văn A, Hoàng Anh T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Bị cáo Hoàng Thị M, Phùng Thị N, Hoàng Anh T có bố đẻ được tặng thưởng Huân, Huy chương, bị cáo Nguyễn Văn A, Hoàng Anh T đã tự ra đầu thú

nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Chu Văn V trước khi phạm tội lần này đã phạm tội nhưng chưa được xóa án tích, do đó bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo khác không có.

[11] Xét về vai trò đồng phạm: Bị cáo Hoàng Văn H và Lương Thị C là người khởi xướng việc đánh bạc, bị cáo Lương Thị C, Lữ Văn T, Mã Văn L là người chuẩn bị các công cụ, dụng cụ đánh bạc, Chu Văn V, Nguyễn Văn A là người cầm cái, Lữ Văn T quản lý bảng vị. Bị cáo Hoàng Thị M đánh bạc với số tiền lớn nhất 5.019.000 đồng, Nguyễn Văn A và Phùng Thị N không đem theo tiền. Mặc dù, các bị cáo cố ý cùng thực hiện tội phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công nhiệm vụ cụ thể, không ai đề xuất, chuẩn bị công cụ, dụng cụ như nào nên sẽ căn cứ vào số tiền các bị cáo dùng vào đánh bạc để xác định vai trò của từng bị cáo.

[12] Trên cơ sở xem xét, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo Phùng Thị N, Hoàng Thị M, Lương Thị C, Hoàng Văn H, Chu Văn V, Lữ Văn T, Mã Văn L, Nguyễn Văn A ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, do bị cáo Hoàng Thị M, Lương Thị C, Hoàng Văn H, Lữ Văn T, Mã Văn L, Nguyễn Văn A được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 nên có thể áp dụng quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[13] Xem xét, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy bị cáo Hoàng Anh T có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung tội phạm.

[14] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo Phùng Thị N, Hoàng Thị M, Lương Thị C, Hoàng Văn H, Chu Văn V, Lữ Văn T, Mã Văn L, Nguyễn Văn A không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng, đối với bị cáo Hoàng Anh T hiện nay đã tạm nghỉ công tác nên không có thu nhập ổn định, bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[15] Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo Chu Văn V đang phải chấp hành hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2022/HS-ST ngày 27/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 61/2022/HS-ST ngày 27/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang với hình phạt của bản án này thành hình phạt chung.

[16] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[17] Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước: 6.699.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, niêm phong trong 06 phong bì được dán kín, trên phong bì có chữ ký của người niêm phong và hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn.

[18] Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếu nhựa kích thước 197cm x 160cm; 02 (hai) bát sứ màu trắng đường kính 11cm; 05 (năm) mảnh tre một mặt màu đen (quân vị) kích thước 1,2cm x 1cm; 01 (một) tấm bìa catton hình chữ nhật (bảng vị) kích thước 30cm x 23cm do liên quan đến việc phạm tội.

[19] Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) đôi giầy màu đen; 02 (hai) đôi dép màu trắng; 01 (một) đôi dép màu đen đã qua sử dụng, do các bị cáo và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu nhận lại vì không còn giá trị sử dụng.

[20] Trả lại những vật chứng không liên quan đến việc phạm tội, cụ thể: Trả lại cho bị cáo Lương Thị C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu trắng, đã qua sử dụng, trong máy gắn sim, trên sim có chữ Vinaphone và số 898402000114150362 82. Trả lại cho bị cáo Chu Văn V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, đã qua sử dụng, trong máy gắn sim, trên sim có chữ 4G Viettel và số 8984048000325874443. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu xanh, đã qua sử dụng, trong máy gắn sim, trên sim có chữ 4G Viettel và số 8984048000319043215 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A16 màu xanh, đã qua sử dụng, trong máy gắn sim, trên sim có chữ 4G Viettel và số 8984048000389816367. Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu bạc, đã qua sử dụng, trong máy gắn 01 sim, trên sim có chữ 4G Viettel và số 8984048000912905316.

[21] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng sung công quỹ nhà nước, theo quy định tại khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[22] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đã xảy ra, đúng với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[23] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phùng Thị N, Hoàng Thị M, Lương Thị C, Hoàng Văn H, Chu Văn V, Lữ Văn T, Mã Văn L, Nguyễn Văn A, Hoàng Anh T phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Thị N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 05/01/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Thị M 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 05/01/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Thị C 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 05/01/2023. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Không áp dụng hình phạt bổ sung.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 05/01/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Chu Văn V 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 05/01/2023, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/6/2022 đến ngày 22/6/2022 (09 ngày).

Căn cứ Điều 56, 65 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 01 (một) 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 44 (bốn mươi bốn) tháng tại bản án số: 61/2022/HS-ST, ngày 27/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/01/2023, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2022 đến ngày 22/6/2022 (09 ngày).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lữ Văn T 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày

05/01/2023. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác

Không áp dụng hình phạt bổ sung.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mã Văn L 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 05/01/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 05/01/2023. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Không áp dụng hình phạt bổ sung.

9. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Anh T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 04/5/2023. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước: 6.699.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, niêm phong trong 06 phong bì được dán kín, trên phong bì có chữ ký của người niêm phong và hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) chiếu nhựa kích thước 197cm x 160cm.

+ 02 (hai) bát sứ màu trắng đường kính 11cm.

+ 05 (năm) mảnh tre một mặt màu đen (quân vị) kích thước 1,2cm x 1cm.

+ 01 (một) tấm bìa catton hình chữ nhật (bảng vị) kích thước 30cm x 23cm.

+ 02 (hai) đôi giầy màu đen; 02 (hai) đôi dép màu trắng; 01 (một) đôi dép màu đen đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Lương Thị C 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu trắng, đã qua sử dụng, trong máy gắn 01 (một) sim, trên sim có chữ Vinaphone và số 89840200011415036282.

- Trả lại cho bị cáo Chu Văn V 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, đã qua sử dụng, trong máy gắn 01 (một) sim, trên sim có chữ 4G Viettel và số 8984048000325874443.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn A 02 (hai) điện thoại di động, cụ thể: 01 (một) chiếc nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu xanh, đã qua sử dụng, trong máy gắn 01 (một) sim, trên sim có chữ 4G Viettel và số 8984048000319043215 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A16 màu xanh, đã qua sử dụng, trong máy gắn 01(một) sim, trên sim có chữ 4G Viettel và số 8984048000389816367.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị M 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu bạc, đã qua sử dụng, trong máy gắn 01 (một) sim, trên sim có chữ 4G Viettel và số 8984048000912905316.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/4/2023 giữa Công an huyện Hữu Lũng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phùng Thị N, Hoàng Thị M, Lương Thị C, Hoàng Văn H, Chu Văn V, Lữ Văn T, Mã Văn L, Nguyễn Văn A, Hoàng Anh T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo, người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Bị cáo; Người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Tuyết